TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Đức

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/2/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Bích N**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Chí S**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07/11/2022 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 15/12/2022 của nguyên đơn bà Lê Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 bà Lê Thị Bích N và ông Lê Chí S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, ông S thường xuyên ăn nhậu

không chăm lo cho vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên: Lê Tú T1 sinh ngày 10/10/2012.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay bà Lê Thị Bích N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Chí S.

- Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tú T1 sinh ngày 10/10/2012, yêu cầu ông Lê Chí S cấp dưỡng cho cháu T1 2.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Chí S đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại tờ tường trình ghi ngày 16/12/2022, cháu Lê Tú T1 trình bày khi cha mẹ không còn sống chung thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là bà Lê Thị Bích N, yêu cầu cha là ông Lê Chí S cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, bị đơn đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng vắng mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn ông Lê Chí S. Về con chung tiếp tục giao cháu Lê Tú T1 sinh ngày 10/10/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng theo quy định là ½ mức lương cơ sở hiện hành là 745.000 đồng/tháng để xử buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Chí S đã được triệu tập hợp lệ theo đúng trình tự tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích N và ông Lê Chí S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, ông S thường xuyên ăn nhậu không chăm lo cho vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến tham gia phiên hòa giải nhưng nguyên đơn có yêu cầu không hòa giải, bị đơn không có mặt tại Tòa cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ giữa nguyên đơn và bị đơn đều không có thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Xét thấy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của bà Lê Thị Bích N và ông Lê Chí S đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được; hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Bích N.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi con của bà Lê Thị Bích N. Xét thấy, ý kiến của cháu Lê Tú T1 là muốn tiếp tục sống chung với mẹ là bà Lê Thị Bích N. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Lê Tú T1 và để cháu ổn định việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quyết định giao cháu Lê Tú T1 cho bà Lê Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Chí S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của bà Lê Thị Bích N và cháu Lê Tú T1 yêu cầu ông Lê Chí S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T1 số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Thấy rằng, theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét yêu cầu của nguyên đơn về mức cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, thấy rằng theo quy định tại Khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì mức cấp dưỡng là do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa

thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, đồng thời nguyên đơn yêu cầu mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là cao nhưng lại không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập của bị đơn và khả năng thực tế của bị đơn có thể cấp dưỡng số tiền này hay không nên không có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quyết định mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật cụ thể là ½ mức lương cơ sở, mức lương sơ sở thời điểm hiện tại là 1.490.000đồng/tháng x ½ = 745.000 đồng/người và buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 745.000 đồng/tháng.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Bích N tự trình bày không có, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích N được ly hôn với ông Lê Chí S.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tú T1 sinh ngày 10/10/2012 (Nữ) cho bà Lê Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Lê Chí S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Tú T1 với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Lê Tú T1 đủ 18 tuổi.

Ông Lê Chí S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích N phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005618 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên,

bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Chí S phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Kiều Oanh